TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh

Ông Nguyễn Văn Lương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Thị L** - SN 1984 (Có mặt)

ĐKHKTT: tổ 13, phường V, quận H, TP Hà Nội

Nơi cư trú: ngõ 107, đường L, phường V, quận H, Hà Nội

- *Bị đơn*: **Anh Dương Bá N** - SN 1982 (Vắng mặt)

ĐKHKTT: tổ 13, phường V, quận H, TP Hà Nội

Nơi cư trú: ngõ 107, đường L, phường V, quận H, Hà Nội

Cơ quan công tác: Văn phòng Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 60 - 62 phố B, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/10/2021 và các văn bản khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Dương Bá N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2006 tại UBND thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà một thời gian, năm 2013 thì chuyển về sống chung tại địa chỉ trên. Thời gian đầu

thì vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm không thể hóa giải được, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh N thường xuyên đánh đập hành hung chị cùng các con. Trước đây vì thương con và không muốn bố mẹ đau lòng nên chị cố gắng chịu đựng để gia đình hòa thuận. Tuy nhiên anh N không chỉ chơi bời, rượu chè mà còn ngoại tình không quan tâm đến gia đình vợ con. Cuộc sống chung vợ chồng ngày càng ngột ngạt, mâu thuẫn trầm trọng. Các con chị cũng thường xuyên bị bố đánh chửi, nhất là cháu trai con chung đầu lòng của hai vợ chồng. Chị đã quay clip về việc anh N bạo hành đánh đập chị và gửi đến Tòa án làm chứng cứ để xin ly hôn. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, chị xin được ly hôn càng sớm càng tốt và không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Dương Ngọc K sinh ngày 04/7/2008 và cháu Dương Khánh C sinh ngày 27/12/2014, hiện nay đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi hai con chung mà không cần trợ cấp từ anh N.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị không tranh chấp gì về tài sản chung vợ chồng và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản ngày 04/7/2022, bị đơn là anh Dương Bá N trình bày:

Anh đã nhận được các thông báo của Tòa án về việc vợ anh làm đơn xin ly hôn. Anh đã nhận được giấy báo của Tòa án tại cơ quan anh. Anh không vi phạm pháp luật, anh không ra Tòa, anh vẫn yêu thương gia đình, không đồng ý ly hôn, anh sẽ gửi văn bản đến Tòa sau. Anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để anh làm đơn gửi đến Tòa sau.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Chị không đồng ý đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2015 đến nay không hàn gắn được. Về con chung, vợ chồng chị có hai con chung như chị đã trình bày ở trên, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh Ngọc cấp dưỡng nuôi con. Mẹ con chị vẫn ở tại nhà đất mà mẹ đẻ chị đã mua cho chị trong thời kỳ hôn nhân tại địa chỉ trên.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của

pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Dương Bá N. Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Dương Ngọc K sinh ngày 04/7/2008 và cháu Dương Khánh C sinh ngày 27/12/2014. Giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Vợ chồng không tranh chấp gì về tài sản chung nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Bá N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/11/2006 tại UBND thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp tiến bộ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không thể khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh N không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết vụ án. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải, không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Về phía chị L xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh N đã có hành vi bạo hành đánh đập chị. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Dương Bá N.

[2] Về con chung: chị L và anh N có 02 con chung là cháu Dương Ngọc K sinh ngày 04/7/2008 và cháu Dương Khánh C sinh ngày 27/12/2014. Chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có quan điểm gì về vấn đề con chung nếu vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của hai con chung anh chị là các cháu muốn ở với mẹ sau ly hôn; bản thân chị L tự nguyện xin được nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, chị tự lo được chỗ ở cho các con sau ly hôn, chị L xuất trình được các chứng cứ về thu nhập ổn định

để lo cho các con sau ly hôn; do vậy, để đảm bảo lợi ích chính đáng của con chung nên căn cứ vào các Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Dương Ngọc K sinh ngày 04/7/2008 và cháu Dương Khánh C sinh ngày 27/12/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Nếu sau này các bên có yêu cầu hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con thì giành quyền khởi kiện cho các bên bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Tòa án đã rất nhiều lần phải đến tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N tại nơi cư trú và tại cơ quan anh N công tác. Tuy nhiên anh N không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh N là phù hợp với khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[5] Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Các Điều 51, 54, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 26 - Luật Thi hành án
- Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Dương Bá N.

2. Về con chung: xác nhận chị L và anh N có 02 con chung là cháu Dương Ngọc K sinh ngày 04/7/2008 và cháu Dương Khánh C sinh ngày 27/12/2014. Giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục sau khi ly hôn. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2020/0049861 ngày 23/02/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội
- VKSND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận H, TP Hà Nội
- UBND thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định (số 26, Quyển số 01/06 ngày 30/11/2006)
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP

Đỗ Thị Mai Thu